

Số: 265 /BC- ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 16 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Về kết quả khảo sát các bên liên quan về các mặt hoạt động của Nhà trường năm học 2025 - 2026

Thực hiện Kế hoạch số 78/KH-ĐHTCQTKD ngày 04/2/2026 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về việc khảo sát các bên liên quan, năm học 2025 – 2026 đối với cán bộ, giảng viên, người học về các mặt hoạt động của Nhà trường như hoạt động đào tạo, hỗ trợ, phục vụ cộng đồng, chế độ chính sách, chiến lược phát triển Nhà trường, nghiên cứu khoa học và hoạt động giảng dạy. Kết quả khảo sát như sau:

1. Phương thức khảo sát

Khảo sát online toàn bộ với mọi đối tượng: Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên, Học viên đang học tập tại Trường và sinh viên đại học chính quy tập trung K10 tốt nghiệp.

2. Kết quả phản hồi

+ Đối với khảo sát cán bộ, giảng viên: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 175/244 (71,4%).

+ Đối với sinh viên đại học chính quy tập trung K10 tốt nghiệp: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 707/777(90,99%).

+ Đối với sinh viên đang học tập tại Trường: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 2801/2872 (97,5%).

+ Đối với học viên đang học tập tại Trường: Số phiếu trả lời khảo sát đạt 69/91 (75,8%).

3. Tiêu chí khảo sát

Các câu hỏi trong phiếu khảo sát đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt hoặc (5 tiêu chí gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng).

- Đối với khảo sát Cán bộ, Giảng viên: Khảo sát theo 5 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng.

- Đối với Sinh viên đại học chính quy tập trung K10 tốt nghiệp: Khảo sát theo 5 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ

từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt (hoặc rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng hoặc rất không thích, không thích, tương đối thích, thích và rất thích).

- Đối với Sinh viên đang học tập tại Trường: Khảo sát theo 8 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt (hoặc rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng).

- Đối với Học viên đang học tập tại Trường: Khảo sát theo 6 tiêu chí. Các câu hỏi trong nội dung này đều được đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Kém, trung bình, khá, tốt, rất tốt (hoặc rất không hài lòng, không hài lòng, tương đối hài lòng, hài lòng, rất hài lòng).

4. Kết quả khảo sát

4.1. Kết quả khảo sát Cán bộ Giảng viên (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 5 tiêu chí, gồm: Chiến lược của Nhà trường, chế độ chính sách, hoạt động phục vụ/hỗ trợ, hoạt động nghiên cứu khoa học, tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kết quả cụ thể như sau:

+ ***Về hoạt động phục vụ/hỗ trợ:*** Với 12 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt hơn 91%, tuy nhiên tiêu chí “chăm sóc sức khỏe y tế - đời sống” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt 48,6%.

+ ***Về chế độ chính sách:*** Với 7 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt hơn 94%, tuy nhiên tiêu chí “phúc lợi” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt 47,4%.

+ ***Về chiến lược của Nhà trường:*** Với 16 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên bình quân đạt trên 94%, tuy nhiên tiêu chí “Chiến lược về xây dựng cơ sở vật chất” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở đạt lên chỉ đạt 51,3%.

- ***Về nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế:*** Với 28 câu hỏi, kết quả cụ thể như sau:

+ Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 98%.

+ Về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ: Kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 92%, tuy

nhiên tiêu chí “Công tác phát hành giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên chỉ đạt 53,1%.

+ Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học: Kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt trên 93%, tuy nhiên tiêu chí “Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt khoảng 50,3%.

+ Về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp: Kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 96%, tuy nhiên tiêu chí “Công tác cung cấp thông tin về nghiên cứu sáng tạo kịp thời” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên chỉ đạt 57,5%.

+ Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên đạt bình quân trên 92%, tuy nhiên tiêu chí “Hiệu quả nguồn lực từ các mối quan hệ hợp tác, các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên chỉ đạt 49,7% và tiêu chí “Mức độ tiếp cận trao đổi, thụ hưởng từ sự hỗ trợ, đầu tư của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên chỉ đạt 48,6%.

- **Về tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng:** Với 5 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ tương đối hài lòng trở lên bình quân đạt trên 96%.

Ngoài ra, còn có một số ý kiến như: Cần có chính sách quan tâm hơn nữa đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động như tạo điều kiện cho CBGV học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học nhiều hơn. Cần sửa chữa, thay thế kịp thời một số công cụ, thiết bị hỗ trợ giảng dạy tại các giảng đường (phòng máy, kết nối internet).

4.2. Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung K10 tốt nghiệp (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 6 tiêu chí, gồm: Chương trình đào tạo; Quản lý và phục vụ đào tạo; Các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên; Đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập; Cơ sở vật chất; Về đánh giá chung, kết quả cụ thể như sau:

- **Về chương trình đào tạo:** Với 11 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt trở lên đạt trên 93%. Chỉ tiêu này được sinh viên tốt nghiệp cuối khóa đánh giá tương đối ổn định trong hai năm liên tục và được cải thiện nhiều so với những năm học trước.

- **Về quản lý và phục vụ đào tạo:** Với 6 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt trở lên đạt trên 92%. Chỉ tiêu này trong năm học 2025 -2026 được sinh viên cuối khóa tốt nghiệp đánh giá như năm học 2024-2025.

- **Về các hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên:** Với 7 câu hỏi trong nội dung này, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt hơn 93%.

- **Về đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập:** Với 7 câu hỏi trong nội dung này, kết quả khảo sát đều được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt đạt 94%, kết quả này tương đối ổn định so với những năm học trước đó.

- **Về cơ sở vật chất:** Với 6 câu hỏi trong nội dung này, kết quả khảo sát được sinh viên đánh giá từ mức độ khá, tốt đạt hơn 91%.

- **Về đánh giá chung:** Với 5 câu hỏi, kết quả khảo sát thu được như sau:

+ Khóa học cung cấp cho sinh viên đủ những kiến thức cần thiết và được cập nhật được sinh viên đánh giá ở mức độ khá trở lên đạt trên 94%.

+ Khóa học giúp sinh viên phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp được sinh viên đánh giá ở mức độ khá trở lên đạt hơn 94%.

+ Khóa học giúp sinh viên phát triển đạo đức, nhân cách nghề nghiệp được sinh viên đánh giá ở mức độ khá trở lên đạt hơn 94%.

+ Có ý định học tiếp những bậc học cao hơn tại Nhà trường được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt hơn 92%.

+ Mức hài lòng của sinh viên về các học phần đào tạo kỹ năng mềm tại Trường được sinh viên đánh giá từ mức độ khá trở lên đạt hơn 94%.

Ngoài ra, với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân?” cũng được sinh viên đánh giá từ mức tương đối hài lòng trở lên đạt 95,9%.

Khi được hỏi “Mức độ yêu thích ngành học của anh/chị ở thời điểm này?” cũng được sinh viên đánh giá từ mức tương đối thích trở lên đạt trên 96%.

Khi được hỏi “Theo anh/chị, những giải pháp nào giúp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường?”, được sinh viên trả lời như sau:

+ Chương trình đào tạo được cập nhật theo yêu cầu nghề nghiệp của xã hội: 19,52%

+ Tăng thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành học: 25,6%

+ Sinh viên được học các học phần bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động: 42,43%

+ Các giải pháp khác: Nhà trường cần cải thiện cơ sở vật chất (trang Web, phản hồi thông tin nhanh hơn, tạo điều kiện cho thi lại,...).

4.3. Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung đang học tại trường (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 8 tiêu chí, gồm: Chương trình đào tạo; Công tác cố vấn học tập; Công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học, các hoạt động phong trào; Công tác kiểm tra đánh giá; Công tác tuyển sinh của nhà trường; Đội ngũ giảng viên; Kế hoạch học tập, giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách; và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả như sau:

- **Về công tác tuyển sinh:** Nội dung này gồm 3 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 89,7%.

- **Về kế hoạch học tập, giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách:** Nội dung này gồm 14 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 85%.

- **Về đội ngũ giảng viên:** Nội dung này gồm 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93,5%.

- **Về chương trình đào tạo:** Với 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93,7%.

- **Về công tác kiểm tra đánh giá:** Nội dung này gồm 6 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93,6%.

- **Về công tác cố vấn học tập:** Nội dung này gồm 4 câu hỏi, các câu hỏi đều được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93,2%.

- **Về công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào:** Nội dung này gồm 8 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93,6%.

- **Về hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên:** Nội dung này gồm 7 câu hỏi, các câu hỏi đều được SV đánh giá từ mức khá trở lên đạt trên 93,8%.

Ngoài ra, với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân” cũng được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên đạt 94,6%.

Với câu hỏi “Những điều bạn hài lòng nhất trong quá trình học tập tại Trường”: Phần lớn sinh viên đánh giá cao về sự nhiệt tình, tận tâm của Giảng viên, về chất lượng giảng dạy của Giảng viên. Bên cạnh đó cũng có một số ý kiến

về hình thức học tập, có 56,98% mong muốn hình thức học tập kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

4.4. Kết quả khảo sát Học viên đang học tại Trường (có phụ lục kèm theo)

Nội dung khảo sát theo 6 tiêu chí, gồm: Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo; Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Hoạt động giảng dạy trong khóa học; Tổ chức đào tạo và đánh giá; Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập; Tư vấn, hỗ trợ Học viên. Kết quả như sau:

- **Về mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo:** Nội dung này gồm 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 88%.
- **Về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** Nội dung này gồm 3 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 89%.
- **Về hoạt động giảng dạy trong khóa học:** Nội dung này gồm 4 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 93%.
- **Về tổ chức đào tạo và đánh giá:** Với 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 93%.
- **Về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập:** Nội dung này gồm 3 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 90%.
- **Về tư vấn, hỗ trợ Học viên:** Nội dung này gồm 5 câu hỏi, các câu hỏi đều được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên đạt trên 91%, tuy nhiên tiêu chí “chương trình tuyển sinh của Nhà trường được thông tin rộng rãi” được Học viên đánh giá từ mức tốt trở lên chỉ đạt 79%.

Ngoài ra, với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân”, được Học viên đánh giá từ mức hài lòng trở lên đạt trên 89%.

Với câu hỏi “Anh/chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình đào tạo và trải nghiệm tại Trường đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân”, được Học viên đánh giá từ mức hài lòng trở lên đạt trên 91%.

Bên cạnh đó, với câu hỏi “Những điều Anh/chị chưa hài lòng trong quá trình học tập tại Trường”, được Học viên chia sẻ: Mong muốn được Nhà trường, Giảng viên cung cấp thêm kiến thức, kỹ năng, tài liệu học tập. Ngoài ra, còn có một số ý kiến khác như: Nhà trường bổ sung thêm chuyên ngành và cập nhật chương trình đào tạo; tăng cường trao đổi thực tiễn; cập nhật thêm các chuyên đề về Fintech, tài chính bền vững; mời chuyên gia từ ngân hàng/quỹ đầu tư và giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm.

5. Phương hướng khắc phục trong năm học tới

** Về phía Nhà trường*

- Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy hiện đại hơn.
- Tăng thời lượng tổ chức cho Sinh viên, Học viên đi trải nghiệm thực tế.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật chương trình đào tạo.

** Về phía giảng viên*

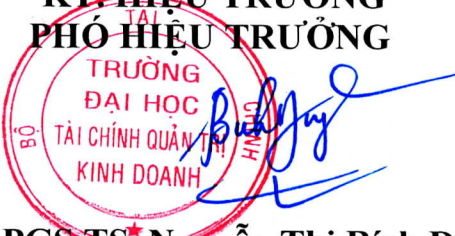
- Tăng cường trau dồi kiến thức, học tập nâng cao trình độ hơn.
- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, bài giảng gắn liền với thực tiễn hơn.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện lấy ý kiến Cán bộ Giảng viên, người học về các mặt hoạt động của Nhà trường, hoạt động giảng dạy trong năm học 2025-2026, cũng như phương hướng hành động trong năm học tới./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị;
- Công thông tin Trường;
- Lưu: VT; KT&QLCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ
KINH DOANH

PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Diệp

Phụ lục I
KẾT QUẢ KHẢO SÁT CBGV TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH –
QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÊN PHẦN MỀM NĂM HỌC 2025 -2026
(Kèm theo Báo cáo số 263./BC-ĐHTCQTKD ngày...16...tháng 4 năm 2026 của
Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
A.	HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ/HỖ TRỢ				
1	1. Cơ sở vật chất hỗ trợ giảng dạy	1. Rất không hài lòng	2	1.14	
		2. Không hài lòng	12	6.86	
		3. Tương đối hài lòng	80	45.71	
		4. Hài lòng	74	42.29	
		5. Rất hài lòng	7	4.00	
2	2. Các công cụ phục vụ giảng dạy	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	14	8.00	
		3. Tương đối hài lòng	84	48.00	
		4. Hài lòng	68	38.86	
		5. Rất hài lòng	8	4.57	
3	3. Tài liệu giảng dạy	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	6	3.43	
		3. Tương đối hài lòng	75	42.86	
		4. Hài lòng	82	46.86	
		5. Rất hài lòng	11	6.29	
4	4. Về chăm sóc sức khỏe y tế - đời sống	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	18	10.29	
		3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	74	42.29	
		5. Rất hài lòng	11	6.29	
5	5. Về công tác an ninh trật tự (an toàn, phù hợp)	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	7	4.00	
		3. Tương đối hài lòng	62	35.43	
		4. Hài lòng	94	53.71	
		5. Rất hài lòng	12	6.86	
6	6. Về việc tổ chức lớp học	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	14	8.00	
		3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	77	44.00	
		5. Rất hài lòng	12	6.86	
7	7. Công tác phục vụ, hỗ trợ của cán bộ viên chức	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.86	
		3. Tương đối hài lòng	64	36.57	
		4. Hài lòng	88	50.29	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
8	8. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	11	6.29	
		3. Tương đối hài lòng	64	36.57	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai, phục vụ tốt và tiện lợi cho việc quản lý, phục vụ sinh viên	4. Hài lòng	89	50.86	
		5. Rất hài lòng	11	6.29	
9	9. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được cập nhật, nâng cấp kịp thời các công cụ ứng dụng tin học hóa trong quản lý và phục vụ công việc của nhà trường.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	15	8.57	
		3. Tương đối hài lòng	62	35.43	
		4. Hài lòng	85	48.57	
10	10. Ứng dụng CNTT trong công tác văn thư, lưu trữ	5. Rất hài lòng	13	7.43	
		1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	9	5.14	
		3. Tương đối hài lòng	80	45.71	
		4. Hài lòng	71	40.57	
11	11. Công tác trang trí, khánh tiết, văn hóa công sở (văn minh, phù hợp)	5. Rất hài lòng	15	8.57	
		1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	75	42.86	
		4. Hài lòng	83	47.43	
12	12. Phân bổ kinh phí hàng năm cho các hoạt động của nhà trường	5. Rất hài lòng	13	7.43	
		1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	4.57	
		3. Tương đối hài lòng	83	47.43	
		4. Hài lòng	69	39.43	
B.	CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH				
1	1. Chế độ, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBGV	5. Rất hài lòng	18	10.29	
		1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	7	4.00	
		3. Tương đối hài lòng	78	44.57	
		4. Hài lòng	72	41.14	
2	2. Quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBGV	5. Rất hài lòng	17	9.71	
		1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	3.43	
		3. Tương đối hài lòng	75	42.86	
		4. Hài lòng	77	44.00	
3	3. Kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo bồi dưỡng CBGV	5. Rất hài lòng	14	8.00	
		1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	76	43.43	
		4. Hài lòng	81	46.29	
4	4. Chế độ, chính sách đãi ngộ sau đào tạo, bồi dưỡng	5. Rất hài lòng	14	8.00	
		1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	9	5.14	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	CBGV	3. Tương đối hài lòng	83	47.43	
		4. Hài lòng	67	38.29	
		5. Rất hài lòng	16	9.14	
5	5. Hỗ trợ về thủ tục thanh toán các khoản thu nhập	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	7	4.00	
		3. Tương đối hài lòng	61	34.86	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	22	12.57	
6	6. Chế độ phúc lợi	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	15	8.57	
		3. Tương đối hài lòng	77	44.00	
		4. Hài lòng	70	40.00	
		5. Rất hài lòng	13	7.43	
7	7. Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến theo định kỳ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	79	45.14	
		4. Hài lòng	79	45.14	
		5. Rất hài lòng	13	7.43	
C.	CHIẾN LƯỢC CỦA NHÀ TRƯỜNG				
1	1. Chiến lược về xây dựng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo nhà trường	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.71	
		3. Tương đối hài lòng	71	40.57	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	17	9.71	
2	2. Chiến lược về xây dựng đội ngũ giảng viên	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.86	
		3. Tương đối hài lòng	69	39.43	
		4. Hài lòng	83	47.43	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
3	3. Chiến lược về phát triển khoa học và hợp tác quốc tế	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.86	
		3. Tương đối hài lòng	73	41.71	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	13	7.43	
4	4. Chiến lược về xây dựng cơ sở vật chất	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	4.57	
		3. Tương đối hài lòng	77	44.00	
		4. Hài lòng	79	45.14	
		5. Rất hài lòng	11	6.29	
5	5. Chiến lược về nâng cao chất lượng đào tạo	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	73	41.71	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	14	8.00	
6	6. Chiến lược về phát triển phục vụ cộng đồng	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
		3. Tương đối hài lòng	77	44.00	
		4. Hài lòng	81	46.29	
		5. Rất hài lòng	13	7.43	
7	7. Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến theo định kỳ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.71	
		3. Tương đối hài lòng	80	45.71	
		4. Hài lòng	78	44.57	
		5. Rất hài lòng	14	8.00	
8	8. Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã thể hiện sự quan tâm, gắn kết với các bên liên quan	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	76	43.43	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	11	6.29	
9	9. Nhà trường đã ban hành chính sách đảm bảo cập nhật kịp thời, đúng quy định của Nhà nước về giáo dục - đào tạo	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	71	40.57	
		4. Hài lòng	90	51.43	
		5. Rất hài lòng	12	6.86	
10	10. Nội dung chính sách của Nhà trường đảm bảo mang tính khả thi, hiệu quả.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	77	44.00	
		4. Hài lòng	82	46.86	
		5. Rất hài lòng	14	8.00	
11	11. Việc thực thi chính sách của Nhà trường đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	73	41.71	
		4. Hài lòng	85	48.57	
		5. Rất hài lòng	13	7.43	
12	12. Nhà trường quy hoạch nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	8	4.57	
		3. Tương đối hài lòng	69	39.43	
		4. Hài lòng	86	49.14	
		5. Rất hài lòng	12	6.86	
13	13. Nhà trường xác định và phổ biến các tiêu chí, tiêu chuẩn đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự rõ ràng, đáp ứng nhu cầu công tác.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.71	
		3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	86	49.14	
		5. Rất hài lòng	14	8.00	
14	14. Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường hoạt động hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	71	40.57	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	16	9.14	
15	15. Nhà trường sử dụng kết quả công tác quản lý thông tin đảm bảo chất lượng	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.86	
		3. Tương đối hài lòng	74	42.29	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	giáo dục để phục vụ cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học ngày một tốt hơn.	4. Hải lòng	80	45.71	
		5. Rất hải lòng	16	9.14	
16	16. Nhà trường luôn có kênh thông tin thường xuyên tìm hiểu, liên lạc nắm bắt tình hình sinh viên tốt nghiệp có việc làm ổn định để biết được chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	9	5.14	
		3. Tương đối hải lòng	69	39.43	
		4. Hải lòng	84	48.00	
		5. Rất hải lòng	13	7.43	
D	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ				
I.	Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học				
1	1. Các quy chế, quy định về nghiên cứu khoa học công nghệ	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hải lòng	74	42.29	
		4. Hải lòng	87	49.71	
		5. Rất hải lòng	12	6.86	
2	2. Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp Trường	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hải lòng	68	38.86	
		4. Hải lòng	91	52.00	
		5. Rất hải lòng	14	8.00	
3	3. Quy trình thực hiện biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	3	1.71	
		3. Tương đối hải lòng	67	38.29	
		4. Hải lòng	92	52.57	
		5. Rất hải lòng	13	7.43	
4	4. Về cách thức tổ chức các Hội thảo khoa học cấp Trường	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	1	0.57	
		3. Tương đối hải lòng	61	34.86	
		4. Hải lòng	98	56.00	
		5. Rất hải lòng	15	8.57	
5	5. Số lượng, chất lượng các bài báo cáo trong hội thảo	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hải lòng	75	42.86	
		4. Hải lòng	85	48.57	
		5. Rất hải lòng	13	7.43	
6	6. Chất lượng các đề tài cấp Trường	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	3	1.71	
		3. Tương đối hải lòng	69	39.43	
		4. Hải lòng	89	50.86	
		5. Rất hải lòng	14	8.00	
7	7. Kiểm tra, giám sát thực hiện đề tài, giáo trình, tài	1. Rất không hải lòng	0	0.00	
		2. Không hải lòng	2	1.14	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	liệu phục vụ đào tạo	3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	17	9.71	
8	8. Công tác đánh giá, nghiệm thu đề tài, giáo trình, tài liệu,...	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	66	37.71	
		4. Hài lòng	90	51.43	
		5. Rất hài lòng	17	9.71	
II.	VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ, TÀI SẢN TRÍ TUỆ				
9	9. Công tác quản trị bảo hộ tài sản trí tuệ được quan tâm	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	3.43	
		3. Tương đối hài lòng	75	42.86	
		4. Hài lòng	85	48.57	
		5. Rất hài lòng	9	5.14	
10	10. Công tác phổ biến các văn bản của Nhà nước quy định về quyền sở hữu trí tuệ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.86	
		3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	87	49.71	
		5. Rất hài lòng	11	6.29	
11	11. Sự giúp đỡ, hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	5	2.86	
		3. Tương đối hài lòng	77	44.00	
		4. Hài lòng	82	46.86	
		5. Rất hài lòng	11	6.29	
12	12. Số lượng loại hình tài sản trí tuệ ngày càng tăng	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	3.43	
		3. Tương đối hài lòng	80	45.71	
		4. Hài lòng	81	46.29	
		5. Rất hài lòng	8	4.57	
13	13. Công tác phát hành giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	1. Rất không hài lòng	2	1.14	
		2. Không hài lòng	11	6.29	
		3. Tương đối hài lòng	69	39.43	
		4. Hài lòng	81	46.29	
		5. Rất hài lòng	12	6.86	
14	14. Các sản phẩm NCKH được lưu trữ đầy đủ, khoa học	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	65	37.14	
		4. Hài lòng	91	52.00	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
15	15. Công tác xuất bản Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	0	0.00	
		3. Tương đối hài lòng	66	37.71	
		4. Hài lòng	90	51.43	
		5. Rất hài lòng	19	10.86	
16	16. Thông tin kết quả nghiên cứu được cập nhật	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	3	1.71	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	liên tục	3. Tương đối hài lòng	64	36.57	
		4. Hài lòng	89	50.86	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
III.	Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học				
17	17. Có chiến lược khai thác nguồn kinh phí cho Khoa học – CN	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	4	2.29	
		3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	84	48.00	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
18	18. Phân bổ kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu (Đề tài, biên soạn, nghiên cứu khoa học sinh viên,...)	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	78	44.57	
		4. Hài lòng	78	44.57	
		5. Rất hài lòng	17	9.71	
19	19. Công tác thanh toán kinh phí cho thực hiện nghiên cứu kịp thời, đúng quy định	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	67	38.29	
		4. Hài lòng	88	50.29	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
20	20. Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	11	6.29	
		3. Tương đối hài lòng	75	42.86	
		4. Hài lòng	74	42.29	
		5. Rất hài lòng	14	8.00	
IV.	Về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp				
21	21. Nhà trường luôn quan tâm đề nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	74	42.29	
		4. Hài lòng	81	46.29	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
22	22. Công tác cung cấp thông tin về nghiên cứu sáng tạo kịp thời	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	82	46.86	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
23	23. Số lượng, chất lượng nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp của CBGV ngày càng được cải thiện	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	5	2.86	
		3. Tương đối hài lòng	69	39.43	
		4. Hài lòng	85	48.57	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
24	24. Chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngày càng sáng tạo, có tính khởi nghiệp thực tiễn hơn.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	3	1.71	
		3. Tương đối hài lòng	77	44.00	
		4. Hài lòng	80	45.71	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
V.	Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu				

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
25	25. Quan hệ hợp tác, đối tác trong nghiên cứu ngày càng được mở rộng	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	12	6.86	
		3. Tương đối hài lòng	72	41.14	
		4. Hài lòng	76	43.43	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
26	26. Được cung cấp đầy đủ thông tin về các đầu tư/hỗ trợ của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ cho Trường	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	13	7.43	
		3. Tương đối hài lòng	71	40.57	
		4. Hài lòng	76	43.43	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
27	27. Hiệu quả nguồn lực từ các mối quan hệ hợp tác, các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	2	1.14	
		2. Không hài lòng	13	7.43	
		3. Tương đối hài lòng	73	41.71	
		4. Hài lòng	72	41.14	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
28	28. Mức độ tiếp cận trao đổi, thụ hưởng từ sự hỗ trợ, đầu tư của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	1. Rất không hài lòng	1	0.57	
		2. Không hài lòng	12	6.86	
		3. Tương đối hài lòng	77	44.00	
		4. Hài lòng	70	40.00	
		5. Rất hài lòng	15	8.57	
E.	TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG				
29	1. Công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	68	38.86	
		4. Hài lòng	87	49.71	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
30	2. Phối hợp với Ban Giám hiệu cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của đoàn viên, người lao động, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội trong đoàn viên, người lao động.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	6	3.43	
		3. Tương đối hài lòng	62	35.43	
		4. Hài lòng	90	51.43	
		5. Rất hài lòng	17	9.71	
31	3. Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	1	0.57	
		3. Tương đối hài lòng	69	39.43	
		4. Hài lòng	87	49.71	
		5. Rất hài lòng	18	10.29	
32	4. Tổ chức vận động đoàn viên, người lao động trong trường thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước.	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	0	0.00	
		3. Tương đối hài lòng	60	34.29	
		4. Hài lòng	95	54.29	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
		5. Rất hài lòng	20	11.43	
33	5. Kêu gọi cán bộ, giảng viên tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, từ thiện nhân đạo như ủng hộ Quỹ Khuyến học, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ Quỹ vì người nghèo,...	1. Rất không hài lòng	0	0.00	
		2. Không hài lòng	2	1.14	
		3. Tương đối hài lòng	61	34.86	
		4. Hài lòng	90	51.43	
		5. Rất hài lòng	22	12.57	
G.	Ý kiến khác:	12 ý kiến	Về cơ sở vật chất phòng máy còn máy hỏng,cấu hình kém chạy không ổn định; mạng Lan và mạng internet đường kết nối không ổn định; Nhà trường cần tiếp tục quan tâm và tạo điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ và tham gia nghiên cứu khoa học nhiều hơn nữa.		

Phụ lục II
KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN K10- ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
TẬP TRUNG TỐT NGHIỆP NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-DHTCQTKD ngày 16...tháng 4 năm 2026
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
I	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)				
1	1. CTĐT có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, thuận lợi cho người học lựa chọn học phần và được cập nhật kịp thời	Kém	3	0.42	
		Trung bình	45	6.36	
		Khá	179	25.32	
		Tốt	346	48.94	
		Rất tốt	134	18.95	
2	2. CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH	Kém	3	0.42	
		Trung bình	33	4.67	
		Khá	174	24.61	
		Tốt	358	50.64	
		Rất tốt	139	19.66	
3	3. SV được thông báo đầy đủ về mục tiêu/chuẩn đầu ra của ngành học	Kém	9	1.27	
		Trung bình	39	5.52	
		Khá	164	23.20	
		Tốt	357	50.50	
		Rất tốt	138	19.52	
4	4. Các học phần có quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá	Kém	5	0.71	
		Trung bình	29	4.10	
		Khá	158	22.35	
		Tốt	366	51.77	
		Rất tốt	149	21.07	
5	5. CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể	Kém	5	0.71	
		Trung bình	31	4.38	
		Khá	171	24.19	
		Tốt	355	50.21	
		Rất tốt	145	20.51	
6	6. Nội dung CTĐT có tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	Kém	8	1.13	
		Trung bình	30	4.24	
		Khá	175	24.75	
		Tốt	351	49.65	
		Rất tốt	143	20.23	
7	7. Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	Kém	4	0.57	
		Trung bình	29	4.10	
		Khá	165	23.34	
		Tốt	353	49.93	
		Rất tốt	156	22.07	
8	8. SV có đủ thông tin về CTĐT trong quá trình học tập	Kém	5	0.71	
		Trung bình	34	4.81	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
		Khá	159	22.49	
		Tốt	356	50.35	
		Rất tốt	153	21.64	
9	9. Phân bố các học phần chuyên ngành phù hợp theo từng năm học.	Kém	6	0.85	
		Trung bình	31	4.38	
		Khá	168	23.76	
		Tốt	355	50.21	
		Rất tốt	147	20.79	
10	10. CTĐT được xây dựng trong đó các học phần có tính hỗ trợ lẫn nhau.	Kém	3	0.42	
		Trung bình	37	5.23	
		Khá	172	24.33	
		Tốt	354	50.07	
		Rất tốt	141	19.94	
11	11. Các học phần được quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra, đánh giá.	Kém	4	0.57	
		Trung bình	29	4.10	
		Khá	177	25.04	
		Tốt	355	50.21	
		Rất tốt	142	20.08	
II.	QUẢN LÝ VÀ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO				
12	12. Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời cho sinh viên	Kém	6	0.85	
		Trung bình	36	5.09	
		Khá	173	24.47	
		Tốt	348	49.22	
		Rất tốt	144	20.37	
13	13. Các kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc	Kém	5	0.71	
		Trung bình	27	3.82	
		Khá	158	22.35	
		Tốt	358	50.64	
		Rất tốt	159	22.49	
14	14. Các thông tin trên website của trường/khoạ đầy đủ và có hệ thống	Kém	12	1.70	
		Trung bình	43	6.08	
		Khá	172	24.33	
		Tốt	341	48.23	
		Rất tốt	139	19.66	
15	15. SV được thông báo kịp thời các thông tin về lịch thi, điểm thi, chế độ, chính sách...	Kém	11	1.56	
		Trung bình	35	4.95	
		Khá	167	23.62	
		Tốt	339	47.95	
		Rất tốt	155	21.92	
16	16. Quy trình giải quyết những khó khăn, thắc mắc của SV rõ ràng, kịp thời	Kém	16	2.26	
		Trung bình	37	5.23	
		Khá	185	26.17	
		Tốt	335	47.38	
		Rất tốt	134	18.95	
17	17. Sinh viên được tư vấn, tạo điều kiện thuận lợi để đăng ký	Kém	9	1.27	
		Trung bình	34	4.81	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	học phần	Khá	167	23.62	
		Tốt	354	50.07	
		Rất tốt	143	20.23	
III.	CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT VIÊN, NHÂN VIÊN				
18	18. Nhân viên các phòng ban có trình độ chuyên môn tốt, có thái độ tôn trọng sinh viên	Kém	10	1.41	
		Trung bình	36	5.09	
		Khá	173	24.47	
		Tốt	349	49.36	
		Rất tốt	139	19.66	
19	19. Nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt	Kém	6	0.85	
		Trung bình	34	4.81	
		Khá	159	22.49	
		Tốt	360	50.92	
		Rất tốt	148	20.93	
20	20. Dịch vụ y tế, bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu cho sinh viên	Kém	8	1.13	
		Trung bình	42	5.94	
		Khá	168	23.76	
		Tốt	357	50.50	
		Rất tốt	132	18.67	
21	21. Hoạt động hỗ trợ, giới thiệu việc làm luôn đáp ứng nhu cầu tìm việc của sinh viên.	Kém	5	0.71	
		Trung bình	42	5.94	
		Khá	163	23.06	
		Tốt	353	49.93	
		Rất tốt	144	20.37	
22	22. Hoạt động phong trào có tác động tích cực đến việc học tập, rèn luyện của SV	Kém	5	0.71	
		Trung bình	42	5.94	
		Khá	172	24.33	
		Tốt	341	48.23	
		Rất tốt	147	20.79	
23	23. Các hoạt động Đoàn, Hội, hoạt động phong trào bổ ích, thiết thực và thu hút.	Kém	6	0.85	
		Trung bình	34	4.81	
		Khá	178	25.18	
		Tốt	339	47.95	
		Rất tốt	150	21.22	
24	24. Sinh viên hài lòng về đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của trường	Kém	6	0.85	
		Trung bình	37	5.23	
		Khá	169	23.90	
		Tốt	347	49.08	
		Rất tốt	148	20.93	
IV.	ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÓ VĂN HỌC TẬP				
25	25. Đa số giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng	Kém	6	0.85	
		Trung bình	33	4.67	
		Khá	163	23.06	
		Tốt	349	49.36	
		Rất tốt	156	22.07	
26	26. Đa số giảng viên có	Kém	5	0.71	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	phương pháp sư phạm tốt	Trung bình	32	4.53	
		Khá	155	21.92	
		Tốt	357	50.50	
		Rất tốt	158	22.35	
27	27. Đa số giảng viên có trách nhiệm, nhiệt tình, sẵn sàng hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên	Kém	6	0.85	
		Trung bình	38	5.37	
		Khá	154	21.78	
		Tốt	344	48.66	
		Rất tốt	165	23.34	
28	28. Đa số giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	Kém	5	0.71	
		Trung bình	33	4.67	
		Khá	151	21.36	
		Tốt	361	51.06	
		Rất tốt	157	22.21	
29	29. Đa số GV đánh giá kết quả học tập công bằng, khách quan, đúng năng lực của SV	Kém	7	0.99	
		Trung bình	32	4.53	
		Khá	158	22.35	
		Tốt	347	49.08	
		Rất tốt	163	23.06	
30	30. Cố vấn học tập có trách nhiệm, tận tâm, sẵn sàng giúp đỡ SV	Kém	9	1.27	
		Trung bình	33	4.67	
		Khá	160	22.63	
		Tốt	339	47.95	
		Rất tốt	166	23.48	
31	31. Cố vấn học tập có trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ tốt	Kém	7	0.99	
		Trung bình	30	4.24	
		Khá	154	21.78	
		Tốt	342	48.37	
		Rất tốt	174	24.61	
V.	CƠ SỞ VẬT CHẤT				
32	32. Phòng học, phòng thực hành đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.	Kém	16	2.26	
		Trung bình	35	4.95	
		Khá	177	25.04	
		Tốt	332	46.96	
		Rất tốt	147	20.79	
33	33. Các trang thiết bị tại phòng học phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập	Kém	15	2.12	
		Trung bình	40	5.66	
		Khá	177	25.04	
		Tốt	324	45.83	
		Rất tốt	151	21.36	
34	34. Phòng máy tính đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên (số lượng, cấu hình...).	Kém	20	2.83	
		Trung bình	37	5.23	
		Khá	182	25.74	
		Tốt	324	45.83	
		Rất tốt	144	20.37	
35	35. Thư viện đảm bảo số	Kém	5	0.71	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác	
	lượng và chất lượng sách, báo, tài liệu.	Trung bình	44	6.22		
		Khá	168	23.76		
		Tốt	336	47.52		
		Rất tốt	154	21.78		
36	36. Thư viện đảm bảo yêu cầu về chỗ ngồi và không gian thoáng, yên tĩnh.	Kém	5	0.71		
		Trung bình	37	5.23		
		Khá	168	23.76		
		Tốt	335	47.38		
37	37. Thư viện có đủ máy vi tính dùng cho sinh viên tra cứu tài liệu.	Rất tốt	162	22.91		
		Kém	10	1.41		
		Trung bình	49	6.93		
		Khá	179	25.32		
		Tốt	324	45.83		
		Rất tốt	145	20.51		
		VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG				
		38	38. Khóa học cung cấp cho SV đủ những kiến thức cần thiết và được cập nhật.	Kém	6	0.85
Trung bình	36			5.09		
Khá	175			24.75		
Tốt	334			47.24		
39	39. Khóa học giúp SV phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp	Rất tốt	156	22.07		
		Kém	8	1.13		
		Trung bình	32	4.53		
		Khá	171	24.19		
40	40. Khóa học giúp SV phát triển đạo đức, nhân cách cho nghề nghiệp.	Tốt	343	48.51		
		Rất tốt	153	21.64		
		Kém	6	0.85		
		Trung bình	34	4.81		
41	41. Sinh viên có ý định học tiếp những bậc học cao hơn tại Nhà trường	Khá	164	23.20		
		Tốt	339	47.95		
		Rất tốt	152	21.50		
		Kém	7	0.99		
42	42. Sinh viên hài lòng về các học phần đào tạo kỹ năng mềm tại trường.	Trung bình	45	6.36		
		Khá	171	24.19		
		Tốt	332	46.96		
		Rất tốt	162	22.91		
43	43. Anh/Chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân?	Kém	9	1.27		
		Không hài lòng	20	2.83		
		Tương đối hài lòng/Phân vân	161	22.77		

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
		Hài lòng	364	51.49	
		Rất hài lòng.	153	21.64	
44	44. Mức độ yêu thích ngành học của Anh/chị ở thời điểm này	Rất không thích	7	0.99	
		Không thích	21	2.97	
		Tương đối thích	216	30.55	
		Thích	316	44.70	
		Rất thích	147	20.79	
		Chương trình đào tạo được cập nhật theo yêu cầu nghề nghiệp của xã hội	138	19.52	
		Tăng thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành học	181	25.60	
45	45. Theo Anh/chị, những giải pháp nào sau đây giúp nâng cao chất lượng đào tạo của trường	Sinh viên được học các học phần bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu thị trường lao động	300	42.43	
		Các giải pháp khác	88		<p>1: Nếu sinh viên thi trượt tạo điều kiện 1lần để sinh viên thi lại, rồi không được mới học lại.</p> <p>2: Môn thể chất thì không nên thêm vô kỳ thi; 1. Chất lượng đào tạo tương đối tốt song về phần web trường update thông tin kém (nhiều lúc phải đăng xuất web trường mới xem được lịch thi, ... => cần cải thiện triệt để để sv thuận tiện sử dụng và tận dụng tối đa web trường)</p> <p>3. Page fb trường cần trả lời tin nhắn nhanh chóng, kịp thời hơn (các năm trước thì vẫn phân hồi bình thường nhưng đến năm cuối thắc mắc nhiều nên cần giải đáp nhưng chỉ nhận được tin nhắn tự</p>

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
					động mà không phản hồi lại sau đó luôn=> em mong trường giải quyết vấn đề này giúp em ạ, nhiều lần em hỏi nhưng đề không nhận được nên chưa hài lòng về page fb của trường ạ) còn lại mọi thứ đều khá tốt ạ; Nhà trường nên đầu tư nhiều vào trang thiết bị phục vụ cho quá trình học tập của sinh viên.

Phụ lục III
KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG
ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG, NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-ĐHTCQTKD ngày... 16... tháng 4 năm 2026
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
I	Công tác tuyển sinh				
1	1. Hoạt động tư vấn tuyển sinh phong phú, đa dạng và có hiệu quả	1. Kém	40	1.43	
		2. Trung bình	249	8.89	
		3. Khá	738	26.35	
		4. Tốt	1198	42.77	
		5. Rất tốt	576	20.56	
2	2. Kết quả tuyển sinh được công bố chính xác, kịp thời qua nhiều kênh thông tin.	1. Kém	32	1.14	
		2. Trung bình	182	6.50	
		3. Khá	677	24.17	
		4. Tốt	1287	45.95	
		5. Rất tốt	623	22.24	
3	3. Thủ tục nhập học thuận tiện, được hướng dẫn cụ thể	1. Kém	33	1.18	
		2. Trung bình	157	5.61	
		3. Khá	603	21.53	
		4. Tốt	1350	48.20	
		5. Rất tốt	658	23.49	
II.	Kế hoạch học tập, giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất, chế độ chính sách				
4	1. Việc sắp xếp thời khóa biểu thuận lợi cho sinh viên	1. Kém	48	1.71	
		2. Trung bình	227	8.10	
		3. Khá	697	24.88	
		4. Tốt	1220	43.56	
		5. Rất tốt	609	21.74	
5	2. Khuôn viên Nhà trường sạch sẽ đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.	1. Kém	37	1.32	
		2. Trung bình	191	6.82	
		3. Khá	716	25.56	
		4. Tốt	1251	44.66	
		5. Rất tốt	606	21.64	
6	3. Phòng học đủ chỗ ngồi, đảm bảo điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, thoáng mát.	1. Kém	43	1.54	
		2. Trung bình	195	6.96	
		3. Khá	698	24.92	
		4. Tốt	1237	44.16	
		5. Rất tốt	628	22.42	
7	4. Trang thiết bị trong phòng học được trang bị đầy đủ, hiện đại, hoạt động tốt.	1. Kém	49	1.75	
		2. Trung bình	229	8.18	
		3. Khá	778	27.78	
		4. Tốt	1180	42.13	
		5. Rất tốt	565	20.17	
8	5. Mức độ đáp ứng học tập của các phòng máy thực hành	1. Kém	104	3.71	
		2. Trung bình	308	11.00	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
		4. Tốt	1327	47.38	
		5. Rất tốt	595	21.24	
III.	Đội ngũ Giảng viên				
18	1. Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập.	1. Kém	32	1.14	
		2. Trung bình	150	5.36	
		3. Khá	623	22.24	
		4. Tốt	1327	47.38	
		5. Rất tốt	669	23.88	
19	2. Sử dụng công nghệ kết hợp phương pháp giảng dạy phù hợp	1. Kém	31	1.11	
		2. Trung bình	145	5.18	
		3. Khá	643	22.96	
		4. Tốt	1327	47.38	
		5. Rất tốt	655	23.38	
20	3. Giảng viên thân thiện, có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy.	1. Kém	28	1.00	
		2. Trung bình	126	4.50	
		3. Khá	619	22.10	
		4. Tốt	1340	47.84	
		5. Rất tốt	688	24.56	
21	4. Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên	1. Kém	32	1.14	
		2. Trung bình	133	4.75	
		3. Khá	587	20.96	
		4. Tốt	1342	47.91	
		5. Rất tốt	707	25.24	
22	5. Sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá học phần.	1. Kém	22	0.79	
		2. Trung bình	136	4.86	
		3. Khá	579	20.67	
		4. Tốt	1375	49.09	
		5. Rất tốt	689	24.60	
IV.	Chương trình đào tạo (CTĐT)				
23	1. CTĐT có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng. Được thông báo đầy đủ cho sinh viên.	1. Kém	22	0.79	
		2. Trung bình	154	5.50	
		3. Khá	618	22.06	
		4. Tốt	1379	49.23	
		5. Rất tốt	628	22.42	
24	2. CTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV sau này.	1. Kém	18	0.64	
		2. Trung bình	152	5.43	
		3. Khá	640	22.85	
		4. Tốt	1359	48.52	
		5. Rất tốt	632	22.56	
25	3. CTĐT được cập nhật thường xuyên	1. Kém	26	0.93	
		2. Trung bình	151	5.39	
		3. Khá	647	23.10	
		4. Tốt	1347	48.09	
		5. Rất tốt	630	22.49	
26	4. Các môn học trong CTĐT được sắp xếp khoa học, hợp	1. Kém	21	0.75	
		2. Trung bình	149	5.32	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	và hệ thống mạng.	3. Khá	791	28.24	
		4. Tốt	1053	37.59	
		5. Rất tốt	545	19.46	
9	6. Thư viện đáp ứng đầy đủ về học liệu, được tạo điều kiện trong việc truy cập thông tin học tập.	1. Kém	38	1.36	
		2. Trung bình	186	6.64	
		3. Khá	726	25.92	
		4. Tốt	1242	44.34	
		5. Rất tốt	609	21.74	
10	7. Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của Sinh viên.	1. Kém	26	0.93	
		2. Trung bình	146	5.21	
		3. Khá	644	22.99	
		4. Tốt	1327	47.38	
		5. Rất tốt	658	23.49	
11	8. Thời gia mượn và trả sách, tài liệu phù hợp	1. Kém	30	1.07	
		2. Trung bình	161	5.75	
		3. Khá	680	24.28	
		4. Tốt	1328	47.41	
		5. Rất tốt	602	21.49	
12	9. Phòng máy tính và trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động giảng dạy và học tập	1. Kém	80	2.86	
		2. Trung bình	273	9.75	
		3. Khá	785	28.03	
		4. Tốt	1120	39.99	
		5. Rất tốt	543	19.39	
13	10. Thông tin được cập nhật đầy đủ, thường xuyên trên website Nhà trường. Truy cập thông tin dễ dàng.	1. Kém	50	1.79	
		2. Trung bình	203	7.25	
		3. Khá	655	23.38	
		4. Tốt	1290	46.05	
		5. Rất tốt	603	21.53	
14	11. Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an ninh, hoạt động học tập, thể thao	1. Kém	93	3.32	
		2. Trung bình	233	8.32	
		3. Khá	762	27.20	
		4. Tốt	1179	42.09	
		5. Rất tốt	534	19.06	
15	12. Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên trong toàn trường.	1. Kém	45	1.61	
		2. Trung bình	192	6.85	
		3. Khá	715	25.53	
		4. Tốt	1273	45.45	
		5. Rất tốt	576	20.56	
16	13. Quy trình, thủ tục thu học phí	1. Kém	32	1.14	
		2. Trung bình	167	5.96	
		3. Khá	672	23.99	
		4. Tốt	1337	47.73	
		5. Rất tốt	593	21.17	
17	14. Quy trình, thủ tục thanh toán học bổng và các chế độ chính sách khác	1. Kém	40	1.43	
		2. Trung bình	167	5.96	
		3. Khá	672	23.99	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	lý và công bố công khai trong toàn trường.	3. Khá	644	22.99	
		4. Tốt	1352	48.27	
		5. Rất tốt	635	22.67	
27	5. Môi trường học tập, CTĐT của Nhà trường đáp ứng được mong đợi của sinh viên, giúp sinh viên tự tin tìm việc sau khi ra trường.	1. Kém	24	0.86	
		2. Trung bình	153	5.46	
		3. Khá	677	24.17	
		4. Tốt	1329	47.45	
		5. Rất tốt	618	22.06	
V.	Công tác kiểm tra đánh giá				
28	1. Lịch thi, công tác kiểm tra đánh giá học phần được công bố rộng rãi và thực hiện đúng qui định.	1. Kém	24	0.86	
		2. Trung bình	145	5.18	
		3. Khá	618	22.06	
		4. Tốt	1372	48.98	
		5. Rất tốt	642	22.92	
29	2. Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan.	1. Kém	23	0.82	
		2. Trung bình	116	4.14	
		3. Khá	552	19.71	
		4. Tốt	1404	50.12	
		5. Rất tốt	706	25.21	
30	3. Đề thi kết thúc học phần bám sát chương trình đã học.	1. Kém	26	0.93	
		2. Trung bình	147	5.25	
		3. Khá	672	23.99	
		4. Tốt	1320	47.13	
		5. Rất tốt	636	22.71	
31	4. Kết quả thi đảm bảo tính công bằng, khách quan và công bố công khai.	1. Kém	27	0.96	
		2. Trung bình	140	5.00	
		3. Khá	612	21.85	
		4. Tốt	1364	48.70	
		5. Rất tốt	658	23.49	
32	5. Công tác phúc khảo, khiếu nại kết quả thi, kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định	1. Kém	30	1.07	
		2. Trung bình	135	4.82	
		3. Khá	653	23.31	
		4. Tốt	1343	47.95	
		5. Rất tốt	640	22.85	
33	6. Các khiếu nại về kiểm tra đánh giá kết quả học tập được giải đáp hợp lý	1. Kém	22	0.79	
		2. Trung bình	157	5.61	
		3. Khá	644	22.99	
		4. Tốt	1331	47.52	
		5. Rất tốt	647	23.10	
VI.	Công tác cố vấn học tập (CVHT)				
34	1. CVHT có nhiệt tình, quan tâm tới lớp, thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp	1. Kém	32	1.14	
		2. Trung bình	161	5.75	
		3. Khá	607	21.67	
		4. Tốt	1286	45.91	
		5. Rất tốt	715	25.53	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
35	2. CVHT có phổ biến kịp thời, đầy đủ các văn bản, kế hoạch của Nhà trường đến lớp	1. Kém	30	1.07	
		2. Trung bình	144	5.14	
		3. Khá	586	20.92	
		4. Tốt	1323	47.23	
		5. Rất tốt	718	25.63	
36	3. CVHT có thường xuyên tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp cho SV	1. Kém	29	1.04	
		2. Trung bình	151	5.39	
		3. Khá	646	23.06	
		4. Tốt	1288	45.98	
		5. Rất tốt	687	24.53	
37	4. CVHT có thường xuyên khuyến khích SV tham gia các phong trào của Nhà trường.	1. Kém	25	0.89	
		2. Trung bình	147	5.25	
		3. Khá	603	21.53	
		4. Tốt	1299	46.38	
		5. Rất tốt	727	25.96	
VII.	Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào				
38	1. Có nhiều hoạt động hướng về người học, đảm bảo người học được tạo điều kiện tham gia.	1. Kém	26	0.93	
		2. Trung bình	145	5.18	
		3. Khá	657	23.46	
		4. Tốt	1308	46.70	
		5. Rất tốt	665	23.74	
39	2. Các hoạt động giao lưu học tập phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên	1. Kém	31	1.11	
		2. Trung bình	142	5.07	
		3. Khá	635	22.67	
		4. Tốt	1320	47.13	
		5. Rất tốt	673	24.03	
40	3. Sinh viên được tư vấn hỗ trợ trong suốt quá trình học tập tại trường.	1. Kém	26	0.93	
		2. Trung bình	144	5.14	
		3. Khá	627	22.38	
		4. Tốt	1335	47.66	
		5. Rất tốt	669	23.88	
41	4. Sinh viên được đối thoại với Lãnh đạo Nhà trường/ Khoa/Phòng và được giải quyết thỏa đáng.	1. Kém	29	1.04	
		2. Trung bình	149	5.32	
		3. Khá	658	23.49	
		4. Tốt	1317	47.02	
		5. Rất tốt	648	23.13	
42	5. Nhân viên các đơn vị phòng ban chức năng có thái độ tôn trọng, giúp đỡ sinh viên.	1. Kém	23	0.82	
		2. Trung bình	141	5.03	
		3. Khá	639	22.81	
		4. Tốt	1335	47.66	
		5. Rất tốt	663	23.67	
43	6. Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên và đáp ứng nhu cầu của SV	1. Kém	28	1.00	
		2. Trung bình	153	5.46	
		3. Khá	635	22.67	
		4. Tốt	1320	47.13	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
		5. Rất tốt	665	23.74	
44	7. Hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp hỗ trợ tốt cho SV.	1. Kém	24	0.86	
		2. Trung bình	141	5.03	
		3. Khá	638	22.78	
		4. Tốt	1334	47.63	
		5. Rất tốt	664	23.71	
45	8. Sự hài lòng của SV đối với hoạt động của Đoàn thanh niên và tình nguyện.	1. Kém	26	0.93	
		2. Trung bình	151	5.39	
		3. Khá	624	22.28	
		4. Tốt	1322	47.20	
		5. Rất tốt	678	24.21	
VIII.	Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên				
46	1. Nghiên cứu khoa học sinh viên là rất quan trọng và cần thiết.	1. Kém	28	1.00	
		2. Trung bình	126	4.50	
		3. Khá	627	22.38	
		4. Tốt	1352	48.27	
		5. Rất tốt	668	23.85	
47	2. Thông tin nghiên cứu khoa học SV được phổ biến đầy đủ, cập nhật kịp thời tới sinh viên toàn Trường (trực tiếp đến các lớp, trên website của Trường)	1. Kém	21	0.75	
		2. Trung bình	153	5.46	
		3. Khá	655	23.38	
		4. Tốt	1322	47.20	
		5. Rất tốt	650	23.21	
48	3. Nhà trường, các thầy/cô rất quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận làm nghiên cứu	1. Kém	20	0.71	
		2. Trung bình	129	4.61	
		3. Khá	603	21.53	
		4. Tốt	1388	49.55	
		5. Rất tốt	661	23.60	
49	4. Hội nghị khoa học sinh viên hàng năm được tổ chức chu đáo, trang trọng, biểu dương và tôn vinh những sinh viên có thành tích cao trong nghiên cứu.	1. Kém	22	0.79	
		2. Trung bình	126	4.50	
		3. Khá	642	22.92	
		4. Tốt	1353	48.30	
		5. Rất tốt	658	23.49	
50	5. Kết quả nghiên cứu (đề tài) có chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao, sáng tạo.	1. Kém	22	0.79	
		2. Trung bình	145	5.18	
		3. Khá	623	22.24	
		4. Tốt	1357	48.45	
		5. Rất tốt	654	23.35	
51	6. Kinh phí cho nghiên cứu đủ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu	1. Kém	21	0.75	
		2. Trung bình	143	5.11	
		3. Khá	673	24.03	
		4. Tốt	1333	47.59	
		5. Rất tốt	631	22.53	
52	7. Giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu phục vụ giảng	1. Kém	22	0.79	
		2. Trung bình	153	5.46	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ý kiến khác
	dạy (Tài sản trí tuệ) được xuất bản cung cấp kịp thời cho học tập và nghiên cứu	3. Khá	663	23.67	
		4. Tốt	1313	46.88	
		5. Rất tốt	650	23.21	
IX.	CÁC Ý KIẾN KHÁC				
53	1. Anh/Chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân?	1.Rất không hài lòng	102	3.64	
		2.Không hài lòng	50	1.79	
		3.Tương đối hài lòng/Phân vân	756	26.99	
		4.Hài lòng	1649	58.87	
		5.Không hài lòng	244	8.71	
54	2. Hình thức học bạn mong muốn trong thời gian tới:	1. Học trực tuyến	275	9.82	
		2. Học trên lớp	930	33.20	
		3. Học kết hợp giữa trên lớp và trực tuyến	1596	56.98	
55	3. Những khó khăn bạn gặp phải khi tham gia các hình thức học tập:	(Lấy ý kiến)	1049	37.45	Thời gian học quá sớm mong nhà trường cân nhắc; Không có khó khăn nào;
56	4. Những điều bạn hài lòng nhất trong quá trình học tập tại Trường:	(Lấy ý kiến)	1036	36.99	Dễ dàng và hiệu quả; Thầy cô nhiệt tình; vệ sinh, lớp học rất sạch sẽ; dễ hiểu; Hoà đồng vui vẻ; Cơ sở vật chất và giảng viên đầy đủ; Giảng viên tận tâm; Môi trường thân thiện; Nhà trường tự đăng ký lớp học phần lên rất ổn;
57	5. Những điều bạn chưa hài lòng trong quá trình học tập tại Trường:	(Lấy ý kiến)	1035	36.95	các ý kiến thu được đều hài lòng

Phụ lục IV
KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC VIÊN ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Báo cáo số 265/BC-ĐHTCQTKD ngày 16...tháng 4 năm 2026
của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A.	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP				
I.	Mục tiêu và nội dung CTĐT				
1	1. CTĐT có mục tiêu rõ ràng	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	2	3,45%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	32	55,17%	
		Rất tốt	21	36,21%	
2	2. Nội dung CTĐT phản ánh các mục tiêu của chương trình	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	2	3,45%	
		Khá	4	6,90%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	21	36,21%	
3	3. Thời lượng của CTĐT đủ để phát triển kiến thức kỹ năng theo mục tiêu đào tạo.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	2	3,45%	
		Khá	5	8,62%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	20	34,48%	
4	4. CTĐT cung cấp kiến thức, kỹ năng hữu ích	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	2	3,45%	
		Khá	4	6,90%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	21	36,21%	
5	5. Sắp xếp các học phần hợp lý	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	6	10,34%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	20	34,48%	
II.	Chuẩn đầu ra của CTĐT				
1	1. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được mục tiêu đào tạo	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	5	8,62%	
		Tốt	32	55,17%	
		Rất tốt	21	36,21%	
2	2. Nội dung của CTĐT đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	5	8,62%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	21	36,21%	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
3	3. Chuẩn đầu ra của CTĐT đáp ứng yêu cầu thực tế công việc	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	2	3,45%	
		Khá	4	6,90%	
		Tốt	33	56,90%	
		Rất tốt	19	32,76%	
III.	Hoạt động giảng dạy trong Khóa học				
1	1. Giảng viên giảng dạy trong khóa học có kiến thức chuyên môn cao	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	1	1,72%	
		Tốt	30	51,72%	
		Rất tốt	26	44,83%	
2	2. Giảng viên giảng dạy trong khóa học có phương pháp giảng dạy phù hợp	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	2	3,45%	
		Tốt	32	55,17%	
		Rất tốt	23	39,66%	
3	3. Giảng viên giảng dạy trong khóa học luôn lắng nghe, chia sẻ chuyên môn, kinh nghiệm với Học viên	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	28	48,28%	
		Rất tốt	26	44,83%	
4	4. Giảng viên hướng dẫn Học viên làm luận văn nhiệt tình và có hiệu quả.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	23	39,66%	
IV.	Tổ chức đào tạo và đánh giá				
1	1. Kế hoạch học tập được thông báo kịp thời	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	33	56,90%	
		Rất tốt	21	36,21%	
2	2. Kế hoạch học tập thuận lợi cho Học viên học tập, nghiên cứu.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	4	6,90%	
		Tốt	30	51,72%	
		Rất tốt	24	41,38%	
3	3. Học viên được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá kết quả học tập.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	32	55,17%	
		Rất tốt	22	37,93%	
4	4. Các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	tiêu CTĐT.	Khá	4	6,90%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	23	39,66%	
5	5. Kết quả đánh giá phản ánh khách quan	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	33	56,90%	
		Rất tốt	22	37,93%	
V.	Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập				
1	1. Thư viện Nhà trường có đầy đủ tài liệu tham khảo cho các học phần.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	5	8,62%	
		Tốt	33	56,90%	
		Rất tốt	19	32,76%	
2	2. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, phù hợp với sĩ số lớp học.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	31	53,45%	
		Rất tốt	24	41,38%	
3	3. Có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của Học viên.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	3	5,17%	
		Tốt	32	55,17%	
		Rất tốt	23	39,66%	
VI.	Tư vấn, hỗ trợ Học viên				
1	1. Chương trình tuyển sinh của Nhà trường được thông tin rộng rãi.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	11	18,97%	
		Tốt	23	39,66%	
		Rất tốt	23	39,66%	
2	2. Giáo viên chủ nhiệm hỗ trợ nhiệt tình	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	5	8,62%	
		Tốt	29	50,00%	
		Rất tốt	24	41,38%	
3	3. Khoa chuyên ngành quan tâm, hỗ trợ tư vấn nhiệt tình.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	1	1,72%	
		Khá	4	6,90%	
		Tốt	30	51,72%	
		Rất tốt	23	39,66%	
4	4. Cán bộ phòng ban có thái độ hòa nhã, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các vướng mắc của Học viên.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	4	6,90%	
		Tốt	32	55,17%	
		Rất tốt	22	37,93%	

STT	Nội dung câu hỏi	Nội dung câu trả lời	Số lượng trả lời	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
5	5. Các quy định của Nhà trường về quyền và nghĩa vụ của Học viên được thông báo đầy đủ, rõ ràng tới Học viên.	Kém	0	0,00%	
		Trung bình	0	0,00%	
		Khá	4	6,90%	
		Tốt	29	50,00%	
		Rất tốt	25	43,10%	
B.	CÁC Ý KIẾN KHÁC				
1	1. Anh/Chị hài lòng như thế nào về chất lượng, hiệu quả giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên đối với tiến bộ học tập của bản thân?	Rất không hài lòng	0	0,00%	
		Không hài lòng	0	0,00%	
		Tương đối hài lòng/Phân vân	6	10,34%	
		Hài lòng	30	51,72%	
		Rất hài lòng	22	37,93%	
2	2. Anh/Chị hài lòng như thế nào về tổng thể quá trình đào tạo và trải nghiệm tại Trường đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân?	Rất không hài lòng	0	0,00%	
		Không hài lòng	0	0,00%	
		Tương đối hài lòng/Phân vân	5	8,62%	
		Hài lòng	30	51,72%	
		Rất hài lòng	23	39,66%	
3	3. Những điều Anh/chị chưa hài lòng trong quá trình học tập tại Trường:	Kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy; Có GV không cung cấp thêm tài liệu khi học viên yêu cầu			
4	4. Anh/chị vui lòng góp ý kiến cụ thể giúp cho việc cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt động đào tạo thạc sĩ của Nhà trường.	Bổ sung thêm chuyên ngành đào tạo để đa dạng hóa chuyên môn; Mỗi môn học cần cho học viên đang làm trực tiếp lĩnh vực đó trao đổi thực tế đang thao tác để học hỏi ; Về nội dung: Cần cập nhật thêm các chuyên đề về Fintech và Tài chính bền vững (ESG) để sát với thực tế ngành; Về phương pháp: Tăng cường các giờ học thực hành trên các bộ dữ liệu thực tế và mời các chuyên gia từ ngân hàng/quỹ đầu tư chia sẻ về quản trị thực tế; Về nguồn lực: Nhà trường nên hỗ trợ học viên tiếp cận các cơ sở dữ liệu tài chính chuyên sâu (như FiinGroup hoặc các thư viện số quốc tế) để nâng cao chất lượng nghiên cứu cho luận văn tốt nghiệp; Cập nhật nội dung chương trình giảng dạy sát nhu cầu thực tế hơn nữa.			